



yáng ròu

羊肉

Noun · mutton

Example Sentences

zhè shì yáng ròu

这是羊肉。

This is mutton.

wǒ xǐ huan chī yáng ròu

我喜欢吃羊肉。

I like to eat mutton.

yáng ròu de jià gé yǒu diǎn guì

羊肉的价格有点贵。

The price of mutton is a bit expensive.

Trace each character, then write the word on your own.

羊 羊 羊 羊 羊 羊 羊 羊 羊

肉 肉 肉 肉 肉 肉 肉 肉 肉